



工程指示 / 要求簡箋(E.I.)

工程指示編號：EI/0135 / 19

修改版次：A

工程編號：J837

工程名稱：觀塘 裕民坊平台

工程項目：地盤用鐵件加工圖 (大雨棚)

收件人：羅小姐

發件人：Johnny

日期：2019/02/11

要求提供 / 確認 事項：

- | | | |
|------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| <input type="checkbox"/> 初步鋁料 B.M. | <input type="checkbox"/> 加工拆圖，然後生產 | <input type="checkbox"/> 尺寸表 |
| <input type="checkbox"/> 正式鋁料 B.M. | <input type="checkbox"/> 技術上資料 / 指示 | <input type="checkbox"/> 報價 |
| <input type="checkbox"/> 配件 B.M. | <input type="checkbox"/> 樣辦或貨品說明書 | <input type="checkbox"/> 分判合約 |
| <input type="checkbox"/> 其他：_____ | | |

內容：

請見附頁- 更新包紮表, 作包裝分紮

**須驗焊 100%; 20%磁粉

請在 ~~本週~~ 5/3/19 前完成上列要求。

附有關圖紙 / 文件：

請見附件加工圖

1+7頁

以上項目為：

- 原合約工程包 原合約工程加 / 減賬 新工程報價

原因：-

分發東莞各部門：

- () 生產技術總監 連附件 () 技術部 連附件 () 生產部 連附件 () 機械設計部 連附件
 () 採購部 連附件 () 生產統籌部 連附件
 () 質檢部 連附件 () 會計部 連附件 () 報關組 連附件 () 其他 _____ 連附件

分發香港各部門：

- () 行政部 連附件 () 會計部 連附件 () 統籌部 連附件 () 工程部地盤科文 連附件
 () 採購部 連附件 () QS 部 連附件 () 維修部 連附件 () 其他 _____ 連附件

傳遞編號：

發件人簽署：

項目經理簽署：

木造 (#1 - 19) 5扎 已裝到貨 (FI 0135 已裝)

#1 大雨棚				
扎數: 1扎				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T11d	1	S2-B11d	1
2	S1-T11c	1	S2-B11c	1
3	S1-T11b	1	S2-B11b	1
4	S1-T11a	1	S2-B11	1
5	S2-VT1	1	S2-VB1	1
6	S2-VT1a	1	S2-VB1a	1
7	S2-VT1b	1	S2-VB1b	1
8	J837-DB1	1	S2-VB2	1
9	GZ-TC2	1	S3-DT1	4
10	GZ-TJ1	2		

#2 大雨棚				
扎數: 1扎				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T12d	1	S2-B12d	1
2	S1-T12c	1	S2-B12c	1
3	S1-T12b	1	S2-B12b	1
4	S1-T12aL	1	S2-B12	1
5	S1-T12aR	1	S12-TC1	1
6	S3-T12	1	S2-VB3	1
7	S5-T12c	1	S2-VB4	1
8	S5-T12b	1	S3-TT1	2
9	S5-T12a	1	S3-DT1	4
10	S6-T12	1		
11	H-T12	2		
12	YP-T12	1		
13	S6-SC1	3		
14	J837-DB1	1		
15	GZ-TC1	2		
16	GZ-TC2	1		
17	GZ-TJ1	2		

#3 大雨棚				
扎數: 5扎				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T13d	1	S2-B13d	1
2	S1-T13c	1	S2-B13c	1
3	S1-T13b	1	S2-B13b	1
4	S1-T13a	1	S2-B13	1
5	S3-T13	1	S12-TC1	1
6	S5-T13c	1	S2-VB3	1
7	S5-T13b	1	S2-VB4	1
8	S5-T13a	1	S3-DT1	4
9	S6-T13	1		
10	H-T13	2		
11	YP-T12	1		
12	S6-SC1	5		
13	J837-DB1	1		
14	GZ-TC1	2		
15	GZ-TC2	1		
16	GZ-TJ1	2		

#4 大雨棚				
扎數: 1扎				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T14d	1	S2-B14d	1
2	S1-T14c	1	S2-B14c	1
3	S1-T14b	1	S2-B14b	1
4	S1-T14aL	1	S2-B14	1
5	S1-T14aR	1	S12-TC1	1
6	S3-T14	1	S2-VB3	1
7	S5-T14c	1	S2-VB4	1
8	S5-T14b	1	S3-DT1	4
9	S5-T14a	1		
10	S6-T14	1		
11	H-T14	2		
12	YP-T13	1		
13	S6-SC1	4		
14	J837-DB1	1		
15	GZ-TC1	2		
16	GZ-TC2	1		
17	GZ-TJ1	2		

#5 大雨棚				
孔數: 1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-TH5d	1	S2-BH5d	1
2	S1-TH5c	1	S2-BH5c	1
3	S1-TH5b	1	S2-BH5b	1
4	S1-TH5cl	1	S2-BH5c	1
5	S1-TH5cl	1	S2-BH5g	1
6	S1-TH5cl	1	S12-TC1	1
7	S1-TH5TR	1	S2-VR3	1
8	S3-TH5g	1	S2-VR5	1
9	S5-15c	1	S3-DT1	4
10	S5-15b	1		
11	S5-15e	1		
12	S5-15f	1		
13	S6-15g	1		
14	II-TJ5	2		
15	YP-TJ4	1		
16	S6-SC1	5		
17	J837-DB1	1		
18	GZ-TC1	2		
19	GZ-TC3	1		
20	GZ-TJ1	2		

#6 大雨棚				
孔數: 3孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-TH3d	1	S2-BH3d	1
2	S1-TH3c	1	S2-BH3c	1
3	S1-TH3b	1	S2-BH3b	1
4	S1-TH3a	1	S2-BH3c	1
5	S1-TH3f	1	S2-BH3g	1
6	S3-TH3g	1	S12-TC1	1
7	S5-13c	1	S2-VR3	1
8	S5-13b	1	S2-VR5	1
9	S5-13c	1	S3-DT1	4
10	S5-13f	1		
11	S6-13g	1		
12	II-TJ3	2		
13	YP-TJ2	1		
14	S6-SC1	5		
15	J837-DB1	1		
16	GZ-TC1	2		
17	GZ-TC3	1		
18	GZ-TJ1	2		

#7 大雨棚				
孔數: 1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-TH6d	1	S2-BH6d	1
2	S1-TH6cl	1	S2-BH6c	1
3	S1-TH6bl	1	S2-BH6b	1
4	S1-TH6cl	1	S2-BH6c	1
5	S1-TH6cl	1	S2-BH6g	1
6	S1-TH6TL	1	S2-VR8	1
7	S1-TH6TR	1	S3-TT1	2
8	S3-TH6g	1	S3-DT1	4
9	S5-16c	1		
10	S5-16b	1		
11	S5-16e	1		
12	S5-16f	1		
13	S6-16g	1		
14	II-TJ6	2		
15	YP-TJ5	1		
16	S6-SC1	5		
17	J837-DB1	1		
18	GZ-TC1	2		
19	GZ-TC4	1		
20	GZ-TJ1	2		
21	S1-TH6cl	1		
22	S1-TH6bl	1		

#8 大雨棚				
孔數: 1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-TH7d	1	S2-BH7d	1
2	S1-TH7c	1	S2-BH7c	1
3	S1-TH7b	1	S2-BH7b	1
4	S1-TH7a	1	S2-BH7c	1
5	S1-TH7f	1	S2-BH7g	1
6	S3-TH7g	1	S2-VR7	1
7	S5-17c	1	S3-DT1	4
8	S5-17b	1		
9	S5-17e	1		
10	S5-17f	1		
11	S6-17g	1		
12	S6-SC1	1		
13	J837-DB1	1		
14	GZ-TC1	2		
15	GZ-TC4	1		
16	GZ-TJ1	2		

#9 大雨棚				
孔數: 1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T18d	1	S2-B18d	1
2	S1-T18c	1	S2-B18c	1
3	S1-T18b	1	S2-B18b	1
4	S1-T18c	1	S2-B18c	1
5	S1-T18f	1	S2-B18g	1
6	S3-T18g	1	S2-V18	1
7	S5-T18c	1	S3-DT1	3
8	S5-T18b	1		
9	S5-T18c	1		
10	S5-T18f	1		
11	S6-T18g	1		
12	S6-SC1	1		
13	J837-DB1	1		
14	GZ-TC1	2		
15	GZ-TC4	1		
16	GZ-T11	2		

#10 大雨棚				
孔數: 1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T19c	1	S2-B19c	1
2	S1-T19b	1	S2-B19b	1
3	S1-T19a-1	1	S2-B19a	1
4	S1-T19a	1	S2-B19	1
5	S5-T19b	1	S2-V19	1
6	S5-T19a	1	S3-DT1	2
7	S3-T19	1		
8	S6-T19	1		
9	YP-T16	1		
10	S6-SC1	2		
11	J837-DB1	1		

#11 大雨棚				
孔數: 1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T110c	1	S2-B110c	1
2	S1-T110b	1	S2-B110b	1
3	S1-T110a	1	S2-B110a	1
4	S5-T110b	1	S2-B110	1
5	S5-T110a	1	S2-V110	1
6	S3-T110	1	S3-DT1	2
7	S6-T110	1		
8	YP-T17	1		
9	S6-SC1	3		
10	J837-DB1	1		

#12 大雨棚				
孔數：1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T111c	1	S2-B111b	1
2	S1-T111b	1	S2-B111a	1
3	S1-T111a	1	S2-B111	1
4	S5-H11b	1	S2-VB11	1
5	S5-H11a	1	S3-DT1	2
6	S3-T111	1		
7	S6-H11	1		
8	YP-TJ8	1		
9	S6-SC1	3		
10	J837-DB1	1		

#13 大雨棚				
孔數：1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T111c	1	S2-B111b	1
2	S1-T111b	1	S2-B111a	1
3	S1-T111a	1	S2-B111	1
4	S5-H11b	1	S2-VB12	1
5	S5-H11a	1	S3-DT1	2
6	S3-T111	1		
7	S6-H11	1		
8	YP-TJ8	1		
9	S6-SC1	3		
10	J837-DB1	1		

#14 大雨棚				
孔數：1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T112c	1	S2-B112b	1
2	S1-T112b	1	S2-B112a	1
3	S1-T112a	1	S2-B112	1
4	S5-H12b	1	S2-VB13	1
5	S5-H12a	1	S3-DT1	2
6	S3-T112	1		
7	S6-H12	1		
8	YP-TJ8	1		
9	S6-SC1	3		
10	J837-DB1	1		

#15 大雨棚				
孔數：1孔				
序號	上層鐵件		下層鐵件	
	編號	數量	編號	數量
1	S2-T113c	1	S2-B112b	1
2	S1-T113b	1	S2-B112a	1
3	S1-T113a	1	S2-B112	1
4	S5-H13b	1	S3-DT1	1
5	S5-H13a	1		
6	S3-T113	1		
7	S6-H13	1		
8	YP-TJ9	1		
9	S6-SC1	3		
10	J837-DB1	1		

EG-DWG3



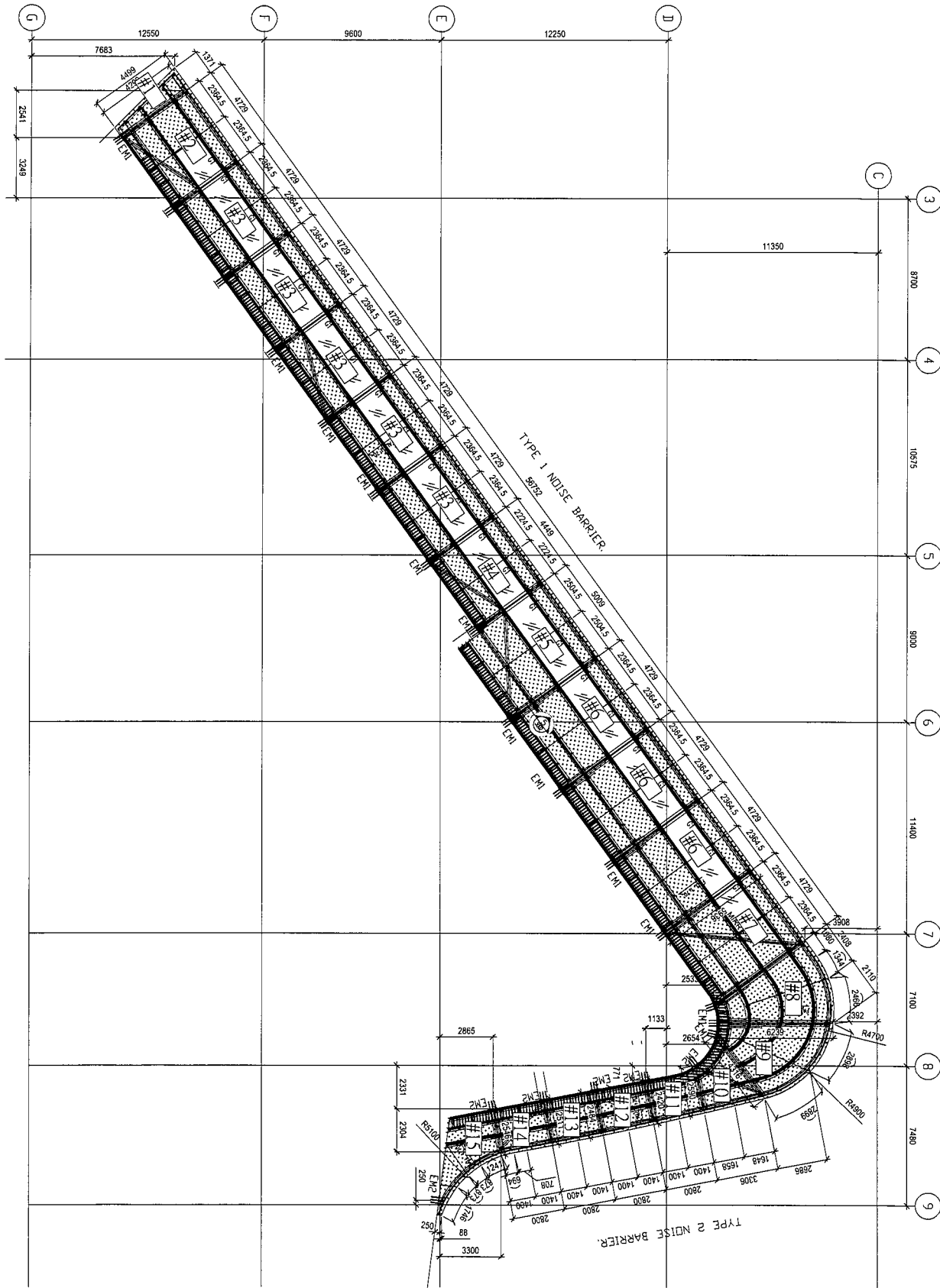
美特鋁質 有限公司
MIDI Aluminium Fabricator Ltd.

工程號

J-837

地盤

觀塘平臺



名稱	鐵件分扎分佈圖	制圖	黃漢卿	2019.1.15	修改	
材料	-	復核	王禮秋	2019.1.15	日期	
顏色	-	批准			圖號	YP-LP1

